

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TẠP CHÍ KHOA HỌC XÃ HỘI THEO TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

TRẦN MẠNH TUẤN*

Những năm gần đây, trong lĩnh vực xuất bản và thông tin, trong đó có tạp chí khoa học, đã thu hút sự quan tâm ngày càng sâu rộng của nhà sản xuất, người môi giới, người đọc. Các tổ chức khoa học có uy tín trên thế giới đã đưa ra nhiều giải pháp để không ngừng nâng cao chất lượng khoa học của các sản phẩm trong lĩnh vực xuất bản và thông tin.

Ở nước ta, từ năm 2010, vấn đề nâng cao chất lượng tạp chí khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế đã bước đầu được triển khai tại Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Theo xu thế đó, một số tổ chức nghiên cứu, đào tạo cũng đặc biệt quan tâm tới việc nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của cơ quan mình, như: Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Kinh tế quốc dân ...

Tuy nhiên, có thể thấy, việc nâng cao chất lượng tạp chí khoa học xã hội của Việt Nam chưa thực sự nhận được được quan tâm như kỳ vọng. Các vấn đề đặt ra là: Nâng cao chất lượng tạp chí khoa học xã hội theo tiêu chuẩn quốc tế có thật sự cần thiết và có khả thi trong tình hình hoạt động khoa học của Việt Nam hiện nay hay không? Nếu có, thì các nội dung chính ở đây là gì? Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch đó đối với các tạp chí khoa học xã hội ở nước ta có thuận lợi, khó khăn gì? Có thể triển khai theo hướng nào?

Bài viết này cố gắng đưa ra câu trả lời cho các vấn đề nêu trên.

1. Các tiêu chuẩn quốc tế đối với tạp chí khoa học

Hàng năm, Viện Thông tin khoa học Mỹ (ISI) thường công bố danh sách các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới trong Báo cáo trích dẫn tạp chí, sau khi tiến hành khảo sát khoảng 2.000 tạp chí khoa học trên toàn thế giới, chọn 10-12% để cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) của mình. Đây là hệ thống phản ánh các tạp chí khoa học có uy tín, có tầm ảnh hưởng lớn đối với cộng đồng khoa học trên thế giới.

Các tiêu chí đánh giá tạp chí khoa học của ISI tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây¹:

- Các thông tin về tạp chí được thể hiện đầy đủ, chi tiết và thống nhất.

Các tạp chí cần phải được cung cấp chỉ số ISSN bởi một cơ quan có thẩm quyền (quốc gia, quốc tế). Thông tin thư mục phản ánh tạp chí và phản ánh các bài công bố trên tạp chí với tư cách là xuất bản phẩm phải được trình bày rõ ràng, đầy đủ, chính xác. Các tạp chí trực tuyến cần đăng ký sử dụng hệ thống chỉ số Nhận dạng vật thể số (DOI) để lưu giữ và quản lý mỗi bài báo một cách lâu dài và thống nhất trên toàn thế giới.

- Tính kịp thời, đúng kỳ hạn của việc công bố/phổ biến tạp chí.

Đây là một tiêu chuẩn rất được chú trọng. Mỗi tạp chí là một bộ phận hữu cơ của nguồn thông tin khoa học. Việc tạp chí khoa học trễ hạn công bố, xuất bản sẽ kéo

* Viện Thông tin Khoa học xã hội.

theo nhiều hệ lụy: trong một số trường hợp, làm tổn hại đến quyền lợi của tác giả; phá vỡ tính hệ thống của nhiều sản phẩm thông tin khác được tạo nên... Đó là điều cần phải tránh.

- Thông tin tra cứu - chỉ dẫn của các công trình được công bố trên tạp chí thể hiện tường minh, đầy đủ, chính xác, thuận tiện đối với người đọc.

Thông tin này thể hiện đầy đủ, chi tiết ở mức cao nhất trong mỗi bài báo về việc tác giả đã khai thác, kế thừa các ý tưởng khoa học, các kết quả nghiên cứu đã có. Điều này góp phần tạo nên môi trường minh bạch và trong sáng trong nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, thông tin tra cứu-chỉ dẫn phải chính xác để người đọc dễ dàng tra cứu, khai thác các bài viết có chứa nhiều loại thông tin khác nhau, như: văn bản, đồ thị, bảng biểu, số liệu thống kê, tranh ảnh...

- Ngôn ngữ bài viết và thông tin thư mục được thể hiện trên tạp chí cần thân thiện với người đọc.

Để một tạp chí khoa học có thể phổ biến rộng rãi trên thế giới, thì ngôn ngữ thể hiện là rất quan trọng. Tiếng Anh được xem là ngôn ngữ (khoa học) của thời đại, song cũng không thể cực đoan đòi hỏi mọi tạp chí phải được xuất bản bằng tiếng Anh. Tuy vậy, các tạp chí khoa học được xem là có uy tín ngày nay, dù xuất bản bằng ngôn ngữ nào thì cũng cần phải cung cấp đến người đọc một số *thông tin thiết yếu bằng tiếng Anh*. Thông tin thiết yếu của tạp chí khoa học được ISI và các cơ quan thông tin-xuất bản lớn trên thế giới xác định gồm các *thông tin thư mục* và *phần tóm tắt nội dung* của bài báo đó.

- Tính đa dạng quốc tế của Hội đồng Biên tập tạp chí và của đội ngũ tác giả.

Đây cũng là một trong số các tiêu chuẩn quan trọng mà ISI dựa vào để xác định một tạp chí khoa học có uy tín hay không. ISI cho rằng, tạp chí khoa học có uy tín phải là diễn đàn khoa học của cộng đồng khoa học trên thế giới. Hội đồng Biên tập tạp chí bao gồm các nhà khoa học thuộc nhiều quốc gia khác nhau, các nhà khoa học trên thế giới đều thừa nhận tạp chí đó là diễn đàn khoa học của mình (họ có nguyện vọng công bố lần đầu các công trình nghiên cứu trên tạp chí) là các dấu hiệu chủ yếu đánh giá tính đa dạng quốc tế của tạp chí.

- Số liệu về thông tin trích dẫn trên tạp chí được thể hiện một cách có hệ thống và dễ dàng truy cập.

Tạp chí khoa học có uy tín là tạp chí được nhiều người khai thác, sử dụng với tần số cao. Người ta chú ý tới số lượt trích dẫn (bao gồm trong đó cả số lượt tự trích dẫn) đối với một tạp chí và khuyến nghị là số lượt tự trích dẫn không nên vượt quá tỷ lệ cho phép (*thông thường* là không vượt quá 20% tổng số lượt trích dẫn). Tuy nhiên, đối với những tạp chí phản ánh những nội dung mới và mang tính khu vực, có thể vẫn được đánh giá là có uy tín ngay cả khi số lượt tự trích dẫn cao hơn so với các trường hợp thông thường.

- Chỉ số tác động (IF) của tạp chí.

Tỉ lệ trung bình giữa số lượt trích dẫn đến tạp chí với số công trình được xuất bản của tạp chí trong khoảng 2 năm liên tiếp trước năm hiện tại được xem là chỉ số IF cơ bản của năm hiện tại của tạp chí đó. Chỉ số này được ISI sử dụng để phân hạng các tạp chí khoa học².

Bên cạnh các tiêu chuẩn chủ yếu nêu trên, các tạp chí khoa học có uy tín còn xây dựng cho mình một hệ thống quy định

nghiêm ngặt về hình thức, nội dung các công trình khoa học, về trách nhiệm của tác giả đối với nội dung thông tin mà mình công bố. Một số tổ chức khoa học có uy tín lại nghiên cứu, xây dựng và phổ biến các quy định mang tính chất kỹ thuật rất chi tiết để áp dụng các công trình được công bố, trong đó đặc biệt là hệ thống chỉ dẫn tham khảo...

2. Hiện trạng hệ thống tạp chí khoa học xã hội (trường hợp tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam)

Hệ thống tạp chí khoa học xã hội của nước ta là khá phong phú. Có thể thấy, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, với ý nghĩa là tổ chức nghiên cứu – đào tạo các ngành khoa học xã hội lớn nhất của quốc gia, cũng là nơi xuất bản hệ thống tạp chí khoa học xã hội tập trung nhất và lớn nhất của quốc gia. Chính vì vậy, hiện trạng hệ thống tạp chí khoa học tại đây cũng phản ánh những thông tin cơ bản nhất của hiện trạng chung các tạp chí khoa học xã hội nước ta.

Hiện tại, Viện Khoa học xã hội Việt Nam xuất bản 32 tạp chí khoa học, 6 phụ trương. 28/32 tạp chí và 1 phụ trương được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước xếp vào danh sách được tính điểm đối với các công trình khoa học công bố trên đó. Đó là sự đánh giá chung, sự ghi nhận và phần nào phản ánh uy tín của các tạp chí của Viện Khoa học xã hội Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và phát triển nền khoa học của nước nhà.

Qua tìm hiểu, đối chiếu với các tiêu chuẩn quốc tế mà ISI cũng như nhiều tổ chức khoa học, xuất bản sử dụng để đánh giá tạp chí khoa học, có thể sơ bộ đưa ra

những đánh giá đối với các tạp chí khoa học xã hội của Viện Khoa học xã hội Việt Nam như sau:

- Một số kết quả chính.

- Các tạp chí đã cung cấp đầy đủ thông tin về chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ, mục đích của tạp chí in cũng như trên mạng tại website của tạp chí và của cơ quan chủ quản. Các Tòa soạn luôn yêu cầu các tác giả cùng phối hợp tuân thủ nghiêm chỉnh *Thẻ lệ gửi và đăng bài tạp chí*: đăng tải các bài nghiên cứu có nội dung mới chưa đăng trên các sách, báo và tạp chí khác; trình bày các chú thích, tài liệu trích dẫn, danh mục tài liệu tham khảo v.v. theo một biểu mẫu nhất định (thường là theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ).

- Hầu hết các tạp chí đều đã biên soạn phần tiếng Anh đối với thông tin thư mục về tạp chí, mục lục và phần tóm tắt một số bài nghiên cứu chính trên mỗi số xuất bản. Cùng với 6 phụ trương, có 2 tạp chí của Viện Khoa học xã hội Việt Nam được xuất bản bằng tiếng Anh (Vietnam Social Sciences và Vietnam Social-Economic Development).

- Các tạp chí đã tuân thủ khá nghiêm ngặt về kỳ hạn xuất bản theo đăng ký. 16 tạp chí có kỳ hạn xuất bản 1 tháng/kỳ; 10 tạp chí có kỳ hạn xuất bản 2 tháng/kỳ; 6 tạp chí có kỳ hạn xuất bản 3 tháng/kỳ. Như vậy, hàng năm, Viện Khoa học xã hội Việt Nam xuất bản 276 số tạp chí và 21 số phụ trương các loại.

- Các tạp chí đều đã cung cấp những thông tin chính về tác giả đối với các bài nghiên cứu được công bố.

- Mỗi tạp chí đều đã xây dựng một cấu trúc thống nhất cho các phần, mục, chuyên

mục đối với mỗi số được xuất bản nhằm cố gắng phản ánh đầy đủ nhất các thông tin mới, tiêu biểu nhất của ngành, lĩnh vực khoa học liên quan mật thiết tới tôn chỉ, mục đích của tạp chí. Các tạp chí đều đã chú trọng tới việc hình thành một phong cách, sắc thái riêng trên xuất bản phẩm của mình (mang theo các đặc trưng về ngành, khối ngành, tính truyền thống, thẩm mỹ...).

- Một số vấn đề đặt ra.

- Chưa có tạp chí nào xây dựng và tuân thủ nghiêm ngặt *quy chế đọc phản biện của chuyên gia* trong quy trình công bố và xuất bản các bài nghiên cứu khoa học. Chất lượng các bài nghiên cứu chưa được thẩm định bởi một quy trình khoa học chặt chẽ.

- Chưa có tạp chí nào trong tổng số 32 tạp chí mà Hội đồng Biên tập có sự tham gia của các nhà khoa học nước ngoài. Số lượng tác giả là các nhà khoa học nước ngoài công bố trên tạp chí còn khiêm tốn và chưa có cơ sở để đưa ra các dự báo về sự gia tăng trong tương lai.

- Các tạp chí đều chưa thực sự quan tâm tới công tác xuất bản trực tuyến. cũng như chưa dành những nguồn lực ổn định để phát hành, phổ biến tạp chí một cách kịp thời, thuận tiện đến các tổ chức khoa học, các nhà nghiên cứu một cách rộng rãi trên thế giới. Sự liên kết, tích hợp giữa hoạt động thông tin với hoạt động xuất bản - một xu hướng phát triển rất rõ nét hiện nay, hầu như chưa được đặt ra.

Từ các thông tin trên có thể đánh giá rằng, các tạp chí khoa học xã hội của nước ta về cơ bản chưa đạt được các tiêu chuẩn quốc tế chính, và trong một số năm tới, cũng chưa có cơ sở đạt được. Vì vậy, uy tín của các tạp chí khoa học nói chung và

tạp chí khoa học xã hội nói riêng của nước ta đối với cộng đồng khoa học quốc tế còn rất hạn chế.

Suy cho cùng, chất lượng của tạp chí khoa học là phản ánh chất lượng nghiên cứu khoa học của tác giả có công trình công bố trên tạp chí; đồng thời phản ánh chất lượng và trình độ chuyên nghiệp của Tòa soạn tạp chí, chất lượng tổ chức và hoạt động khoa học của cơ quan chủ quản tạp chí. Trong tình hình hiện nay, tạp chí là *công cụ và phương tiện* thuận lợi và hợp lý nhất để khoa học xã hội Việt Nam có thể hội nhập khu vực và thế giới một cách nhanh chóng, tiện lợi trên phạm vi địa lý rộng lớn. Vì vậy, thể thức tồn tại và trình độ của các tạp chí khoa học cần phải theo các quy chuẩn chung mang tính toàn cầu - các tiêu chuẩn quốc tế đối với tạp chí khoa học. Việc đổi mới, nâng cao chất lượng các tạp chí khoa học là một nhu cầu thiết yếu nhằm mục đích xây dựng nền khoa học Việt Nam phát triển bền vững và hài hòa trong cộng đồng khoa học quốc tế.

3. Cơ hội và thách thức đối với việc nâng cao chất lượng tạp chí khoa học xã hội theo các tiêu chuẩn quốc tế

- Cơ hội.

Bên cạnh các cơ hội chung mang tính thời đại như quá trình toàn cầu hóa; sự phát triển khoa học theo các xu hướng đa ngành, liên ngành; cơ sở hạ tầng thông tin dành cho hoạt động nghiên cứu, thông tin và xuất bản (cho phép các tạp chí khoa học sử dụng các công cụ đánh giá khoa học trên cơ sở các *phép đo lường* được áp dụng trong các lĩnh vực nghiên cứu; hệ thống pháp luật và ý thức về vấn đề bản quyền trong xã hội ngày một nâng cao..., thì ở nước ta, các cơ hội cho quá trình nâng cao

chất lượng tạp chí khoa học xã hội cũng hết sức đặc biệt.

+ Trình độ và đội ngũ cán bộ nghiên cứu trong các ngành khoa học xã hội ở nước ta không ngừng lớn mạnh, được phân bố trên khắp các vùng trong cả nước. Hệ thống tổ chức nghiên cứu - đào tạo trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn ngày càng được củng cố và phát triển. Riêng Viện Khoa học xã hội Việt Nam đã có gần 40 Viện nghiên cứu khoa học chuyên ngành, liên ngành, đa ngành và các tổ chức tương đương. Học viện Khoa học xã hội được thành lập, chính thức tham gia vào hệ thống đào tạo các bậc sau đại học (Thạc sỹ, Tiến sỹ) về các ngành khoa học xã hội và nhân văn ở nước ta. Đây được xem là bước phát triển ở tầm vĩ mô của chiến lược đào tạo các chuyên gia khoa học của nước nhà. Cho đến nay, hầu hết các ngành, lĩnh vực nghiên cứu đều có bậc đào tạo sau đại học. Các nhà khoa học trẻ tuổi, được đào tạo bài bản, chính là đội ngũ các tác giả tiềm tàng của các công trình nghiên cứu khoa học sẽ được công bố trên các tạp chí khoa học xã hội ở trong và ngoài nước. Hơn nữa, đội ngũ các học viên cao học, nghiên cứu sinh của nước ta được đào tạo ở nước ngoài cũng chiếm một số lượng khá lớn. Những cán bộ khoa học này có rất nhiều điều kiện và lợi thế trong việc thực hiện các nghiên cứu khoa học *mang tính quốc tế, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế*. Đây là một lợi thế lớn nếu chúng ta có các chính sách phù hợp, tạo mối liên hệ và điều kiện cần thiết để họ có các đóng góp trực tiếp vào việc nâng cao chất lượng tạp chí khoa học theo các tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, các chỉ số thống kê quốc tế gần đây cho thấy vị trí và mức đóng góp của khoa học nước ta không ngừng được gia tăng theo thời gian³.

+ Sự quan tâm của các nhà khoa học trên thế giới đối với Việt Nam, trong đó có khoa học xã hội ngày một tăng cường và nâng cao. Một xu hướng nghiên cứu được thể hiện khá rõ rệt hiện nay là, nhiều cá nhân, tổ chức khoa học của các nước phát triển (Mỹ, Anh, Pháp, Nhật Bản, Canada, Úc...) quan tâm tới đối tượng nghiên cứu là các khu vực, cộng đồng thuộc các nước nghèo, đang hay chậm phát triển. Một hệ quả tất yếu từ xu hướng này là việc xuất hiện ngày càng nhiều các nghiên cứu tại các nước phát triển liên quan tới các nước đang hay chậm phát triển, trong đó có nước ta. Riêng đối với Việt Nam, đội ngũ các nhà khoa học ở nước ngoài là Việt kiều cũng có một số lượng khá lớn, nhiều người trong số họ chiếm giữ các vị trí quan trọng tại các tổ chức nghiên cứu, đào tạo của nước ngoài. Đây cũng là một lợi thế không nhỏ trong việc phát triển các hoạt động khoa học xã hội nói chung và phát triển hệ thống tạp chí khoa học xã hội nói riêng. Lợi thế này cũng tạo nên cơ hội quý và lâu dài để các tạp chí khoa học thu hút sự tham gia vào các Hội đồng Biên tập, vào đội ngũ các tác giả của tạp chí là các nhà khoa học là người Việt Nam đang sống và làm việc tại những nước có nền khoa học phát triển ở trình độ cao.

+ Chính sách đầu tư của Nhà nước đối với hoạt động khoa học nói chung và đối với phát triển tạp chí khoa học nói riêng được gia tăng. Riêng về tài chính, kể từ khi thực thi Luật Khoa học và Công nghệ, về cơ bản, Nhà nước đã dành 2% chi ngân sách cho hoạt động khoa học và công nghệ. Mặc dù trong danh mục ngân sách khoa học và công nghệ chưa có *danh mục thường xuyên* dành nâng cao chất lượng tạp chí khoa học, song mức chi chung cho tạp chí khoa học vẫn được gia tăng. Một số

năm gần đây, Nhà nước đã dành một khoản chi không nhỏ để triển khai các đề án nâng cấp một số tạp chí khoa học theo các tiêu chuẩn quốc tế. Đây là tiền lệ quý báu cần được phát huy và nhân rộng. Chính sự quan tâm và những đóng góp quan trọng trong sự phát triển tạp chí khoa học nói chung của các nhà khoa học có uy tín ở trong nước đã tạo nên bước khởi đầu quan trọng này.

+ Kinh nghiệm nâng cao chất lượng và đánh giá tạp chí khoa học của nước ta ngày càng được nâng lên rõ rệt. Qua 2 năm triển khai đề án về nâng cấp tạp chí khoa học tại Viện Khoa học và Công Nghệ Việt Nam, chúng ta cũng đã thu được một số kinh nghiệm và bài học quý báu cho mục tiêu nâng cao chất lượng tạp chí khoa học. Đó là: Cơ chế, kinh nghiệm xây dựng và duy trì hoạt động của Hội đồng Biên tập mang tính quốc tế; Một số biện pháp thu hút tác giả là người nước ngoài; Quy trình kiểm soát và các giải pháp nâng cao chất lượng các bài đăng trên tạp chí; Quy trình và các phương thức tổ chức xuất bản trực tuyến; Kinh nghiệm sử dụng nguồn tài chính để nâng cao chất lượng tạp chí v.v..

- Thách thức.

Nâng cao chất lượng tạp chí khoa học xã hội của Việt Nam là công việc mới, phức tạp và đòi hỏi phải có sự đầu tư, phối hợp chặt chẽ của tất cả các chủ thể có vai trò quyết định cũng như trực tiếp tham gia triển khai⁴. Đây cũng là một công việc khó, đòi hỏi phải triển khai một cách lâu dài và có hệ thống.

+ Là một nước có tiềm lực kinh tế hạn chế trình độ phát triển các ngành khoa học xã hội chưa thực sự ở vị trí hàng đầu của thế giới, các ngành công nghiệp xuất bản,

thông tin còn mới ở giai đoạn phát triển ban đầu so với nhiều quốc gia khác, thì công việc trên lại càng khó khăn, phức tạp hơn. Đầu tư cho khoa học có sự khác biệt rất căn bản so với đầu tư cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Ở một khía cạnh nào đó, cũng như trên bình diện xã hội, có thể xem việc đầu tư cho khoa học (lĩnh vực sản xuất tinh thần) mang tính chất và kết quả gián tiếp hơn so với đầu tư trong lĩnh vực sản xuất vật chất. Hơn nữa, đầu tư cho phát triển tạp chí khoa học lại còn mang tính chất gián tiếp hơn nữa so với đầu tư cho khoa học, tức là khoản đầu tư *gián tiếp của gián tiếp*. Sự chùng chật *tính chất gián tiếp* đó có thể làm giảm tính chất căn bản, cấp bách của việc nâng cao chất lượng tạp chí khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế. Điều này hoàn toàn phụ thuộc vào quan điểm, quan niệm và cách tiếp cận vấn đề của người quản lý, của cơ quan chủ quản tạp chí và xa rộng hơn nữa là ở đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Từ đó, dẫn tới hiệu quả phát triển hệ thống tạp chí khoa học bị hạn chế nhiều. Ở nước ta, chưa có một tổ chức khoa học nào chuyên nghiên cứu về lĩnh vực xuất bản nói chung, trong đó có các tạp chí khoa học. Đó là thách thức lớn nhất cho việc định hướng chiến lược phát triển các tạp chí khoa học, cũng như việc nâng cao chất lượng tạp chí theo tiêu chuẩn quốc tế.

+ Truyền thống nghiên cứu các ngành khoa học xã hội của nước ta còn hạn chế so với trình độ chung trên thế giới là một thách thức đối với việc công bố kết quả nghiên cứu trên các diễn đàn có uy tín, cũng như đối với việc xây dựng và phát triển các tạp chí khoa học để có thể hòa nhập với bên ngoài.

+ Các tiêu chuẩn quốc tế về cơ cấu Hội đồng Biên tập, đội ngũ tác giả của tạp chí chưa được quan tâm. Điều này thể hiện rất rõ ở hầu hết các tạp chí khoa học xã hội của Việt Nam. Trong các hoạt động khoa học xã hội, Việt Nam có sự hợp tác chặt chẽ với nhiều cá nhân, tổ chức có uy tín ở nước ngoài. Tuy vậy, qua khảo sát, sự hợp tác này chưa thể hiện được việc tham gia của các nhà khoa học nước ngoài trong Hội đồng Biên tập của các tạp chí khoa học, cũng như qua số lượng các tác giả là nhà khoa học nước ngoài. Đây là một trong các yếu tố quan trọng, tiêu chuẩn quan trọng để các tạp chí khoa học được xếp vào hàng các tạp chí có uy tín trên thế giới mà nhiều tổ chức lớn hiện sử dụng. Về lâu dài, thực trạng trên cần được cải thiện một cách căn bản. Tuy nhiên, hiện nay, xây dựng một cơ chế để tạo lập và duy trì tính chất quốc tế về cơ cấu của Hội đồng Biên tập và đội ngũ tác giả là các nhà khoa học nước ngoài đối với các tạp chí khoa học xã hội là một công việc hết sức khó khăn, nếu không có sự chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với các lĩnh vực hoạt động khoa học khác, đặc biệt là hợp tác quốc tế.

+ Những năm gần đây, các tạp chí khoa học đã tiến hành việc biên soạn phần tóm tắt bằng tiếng Anh các bài nghiên cứu trên mỗi số tạp chí. Công việc đó phần nào phản ánh tạp chí hướng đến nhóm người đọc là các nhà khoa học nước ngoài. Song việc phổ biến, phát hành các tạp chí khoa học đến các cộng đồng khoa học nước ngoài cũng chưa được xem như một mục đích của các tạp chí. Bằng chứng là, hiện có rất ít các tạp chí khoa học, nhất là khoa học xã hội và nhân văn quan tâm đến phương thức xuất bản trực tuyến, một phương thức có ưu thế đặc biệt lớn cho việc phổ biến

tạp chí trên phạm vi toàn cầu. Bằng phương thức này, người đọc nước ngoài dễ dàng và thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin⁵.

+ Hầu hết các tạp chí khoa học chưa quan tâm tới công tác phản biện – một khâu quan trọng đảm bảo chất lượng của mỗi công trình được công bố. Công tác phản biện nếu được thực hiện theo một quy trình và các chuẩn mực khoa học chặt chẽ sẽ là yếu tố quyết định chất lượng khoa học của các công trình được xuất bản, đồng thời đóng vai trò như một cơ chế kiểm soát và chế định ý thức về bản quyền đối với các tác giả khi công bố các công trình của mình. Việc sử dụng không minh bạch ý tưởng, kết quả nghiên cứu đã có trong các ngành khoa học xã hội và nhân văn là *dễ thực hiện* cũng như *khó phán xét* hơn rất nhiều so với các ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Vì thế, các tạp chí rất cần tới sự hợp tác chủ động, có ý thức của các tác giả; đồng thời, về phần mình, tạp chí cần xây dựng mối quan hệ và tạo điều kiện ở mức cao nhất để thu hút sự hợp tác từ phía các tác giả, các nhà khoa học trong nội dung này.

Vấn đề về trách nhiệm pháp lý liên quan tới việc công bố kết quả nghiên cứu, vấn đề bản quyền trong hoạt động khoa học của các nhà khoa học cần được cải thiện. Đây là hạn chế khá phổ biến đối với các nước đang/chậm phát triển và nền khoa học tại đó chưa có truyền thống và chưa đạt ở trình độ cao⁶. Việc vi phạm quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp còn hết sức phổ biến. Điều đó đã ảnh hưởng rõ rệt tới sự thiếu minh bạch, rõ ràng trong việc công bố các kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học. Điều này đã gây tác hại đến uy tín khoa học của các

công trình nghiên cứu, các nhà khoa học, đồng thời trực tiếp làm giảm uy tín, độ tin cậy của các tạp chí khoa học. Các tạp chí chưa chú trọng đến các yêu cầu mang tính kỹ thuật đủ để có thể kiểm soát được việc mà các tác giả đã trích dẫn trong các công trình khoa học của mình như thế nào.

+ Chính sách phát triển, chiến lược và lộ trình nâng cao chất lượng tạp chí khoa học chưa được quan tâm và xây dựng một cách đồng bộ, hệ thống. Trong hệ thống các chỉ tiêu thống kê khoa học, chỉ thấy tồn tại chỉ tiêu thống kê về số bài báo được công bố, nhất là các bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín nước ngoài và được trích dẫn, trong khi đó, để đánh giá trình độ phát triển của tổ chức khoa học, không có chỉ tiêu phản ánh sự tồn tại và chất lượng của tạp chí khoa học do tổ chức đó xuất bản. Các chính sách hiện tại khuyến khích các nhà khoa học công bố công trình khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới còn nhiều hạn chế và không phổ cập. Về mặt quản lý nhà nước, chưa xây dựng một định hướng, chiến lược, chính sách, quy trình phát triển chất lượng các tạp chí khoa học chung của quốc gia. Trong các đề án phát triển các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, cơ quan quản lý nhà nước chưa quan tâm và đòi hỏi trong đó cần phải có nội dung về phát triển tạp chí khoa học trực thuộc.

+ Các nguồn lực dành cho việc phát triển hệ thống tạp chí khoa học còn khan hiếm. Trước hết là, sự thiếu hụt nguồn nhân lực thuộc mọi nhóm và đủ trình độ đáp ứng được nhu cầu nâng cao chất lượng tạp chí theo các tiêu chuẩn quốc tế... Tiếp theo là sự hạn chế về tài chính đầu tư cho tạp chí. Hầu hết các tạp chí đều không có nguồn tài chính ở mức tối thiểu để duy trì

hoạt động của Hội đồng Biên tập, triển khai công đoạn *phản biện khoa học* đối với các bài báo. Hơn nữa, ngay khi còn rất khan hiếm, thì các quy định hiện hành trong việc sử dụng nguồn tài chính này hầu như chưa thực sự hướng tới mục tiêu quan trọng bậc nhất là nâng cao chất lượng khoa học của các công trình xuất bản trên tạp chí.

4. Giải pháp nâng cao chất lượng các tạp chí khoa học xã hội

Thực tiễn cho thấy, khoảng cách giữa trình độ phát triển của các tạp chí khoa học xã hội của nước ta so với các tạp chí có uy tín trên thế giới là khá lớn. Các nguồn lực đầu tư cho tạp chí hầu như không có gia tăng đột biến. Bởi vậy, các bước đi nhằm mục tiêu rút ngắn khoảng cách nêu trên cần được tính toán, cân nhắc kỹ càng, cụ thể và hợp lý. Từ các nghiên cứu và tham vấn ý kiến của những người tham gia thực hiện đề tài này ở Bộ Khoa học và Công nghệ, chúng tôi cho rằng, cần có những bước đi thực tế, phù hợp với hoàn cảnh của Việt Nam. Đó là, trước khi chúng ta xây dựng chiến lược nâng cao chất lượng các tạp chí khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế, thì cần thiết xây dựng chiến lược nâng cao chất lượng các tạp chí khoa học theo tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam một cách cụ thể và thống nhất cho từng loại hay từng nhóm tạp chí. Trên cơ sở đó, từng bước nâng cao chất lượng tạp chí khoa học của Việt Nam theo các tiêu chuẩn quốc tế. Như vậy, trước hết, theo chúng tôi, cần phải hình thành một *Đề án quy mô quốc gia*, tương đối dài hạn (ít nhất là 5 năm), tạm gọi là *Đề án quốc gia nâng cao chất lượng các tạp chí khoa học xã hội của Việt Nam*.

Có thể phân chia *Đề án* theo 2 giai đoạn hoặc theo 2 nhóm nhiệm vụ chính:

- **Nhóm 1:** Xây dựng và tổ chức áp dụng *Tiêu chuẩn Việt Nam: Quy trình xuất bản tạp chí khoa học xã hội* trên phạm vi quốc gia, tức là chung và bắt buộc đối với mọi tạp chí khoa học xã hội. Thời gian thực hiện: 2 năm.

Mục đích của nhóm 1: Nâng cao một bước căn bản và có hệ thống chất lượng các tạp chí khoa học xã hội của Việt Nam và thu hẹp khoảng cách giữa trình độ phát triển của các tạp chí này đối với các tạp chí khoa học có uy tín trên thế giới. Các công việc và bước đi cụ thể dự kiến như sau:

+ Xây dựng *Tiêu chuẩn Việt Nam*: Thống nhất quy trình xuất bản các tạp chí khoa học xã hội. Tiêu chuẩn được xây dựng cần mang tính khoa học và khả thi, và là khung khổ pháp lý chung cho toàn bộ công tác xuất bản các tạp chí khoa học xã hội. Trên cơ sở khung khổ này, tùy vào điều kiện, khả năng mà mỗi tạp chí chi tiết hóa Quy trình xuất bản đối với tạp chí mình.

+ Xây dựng và thực thi thống nhất một hệ thống chính sách đồng bộ cho các tạp chí khoa học xã hội trong việc tuân thủ nghiêm ngặt *Tiêu chuẩn Việt Nam*. Các công việc trên được thực hiện trong năm đầu triển khai Đề án.

+ Các tạp chí khoa học xã hội cần xây dựng và đề trình một kế hoạch chi tiết cho từng bước áp dụng *Tiêu chuẩn Việt Nam* về Quy trình xuất bản tạp chí khoa học xã hội. Công việc này được thực hiện không quá 2 năm kể từ sau khi *Tiêu chuẩn Việt Nam* và kèm theo các chính sách nêu trên được ban hành.

Các nguồn đầu tư để các tạp chí khoa học xã hội triển khai kế hoạch này chủ yếu được tập trung cho việc đào tạo nâng cao

trình độ đối với đội ngũ biên tập viên chuyên nghiệp, nhân viên kỹ thuật, tổ chức ban đầu Hội đồng Biên tập... Do đó, các nguồn đầu tư tài chính là không thực sự lớn.

Các cơ quan quản lý tạp chí khoa học xã hội cần phối hợp chặt chẽ với nhau, theo sự chỉ đạo thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Thông tin và Truyền thông để xây dựng kế hoạch đồng bộ, ổn định, và đủ cơ sở để đạt được các mục đích đề ra.

- **Nhóm 2:** Sau khi các tạp chí thực hiện đầy đủ các tiêu chuẩn Việt Nam, cần lựa chọn một số tạp chí khoa học xã hội để nâng cao chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế. Thời gian thực hiện dự kiến gồm 2 giai đoạn: giai đoạn I: 2 năm; giai đoạn II từ 3-5 năm.

Đây là việc làm có nhiều khó khăn và phức tạp trong thực tiễn, đòi hỏi sự tiến hành thống nhất và phối hợp đồng bộ của nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau. Trước hết công việc này cần phải nhận được sự chấp thuận của các cơ quan quản lý nhà nước về *khoa học và công nghệ*, về *thông tin và truyền thông*.

Dưới góc độ nghiên cứu, chúng tôi nêu ra các yêu cầu khi triển khai nhiệm vụ *Nhóm 2* của Đề án như sau:

+ Các tạp chí được lựa chọn, gọi chung là *Danh sách tạp chí trọng điểm* được đầu tư tập trung, cần được xuất bản bằng tiếng Anh. Phương thức xuất bản: trực tuyến. Kỳ hạn xuất bản: 1 tháng/số.

+ Các tạp chí thuộc *Danh sách* nêu trên phải đáp ứng các yêu cầu về quy trình xuất bản mà các cơ quan (doanh nghiệp) thông tin và xuất bản có uy tín trên thế giới áp dụng.

+ Bảo đảm tính quốc tế của Hội đồng Biên tập. Đảm bảo việc phản biện của các chuyên gia khoa học có uy tín ở trong nước và ngoài nước đối với các công trình khoa học dự kiến công bố trên tạp chí. Để thực hiện được nhiệm vụ khó khăn này, cần nhiều giải pháp cụ thể, trong đó có sự đầu tư về tài chính. Để tạo thuận lợi cho công việc này, cần chú trọng sử dụng các nguồn lực, cũng như hoạt động, chương trình hợp tác quốc tế của các tổ chức nghiên cứu, đào tạo của Việt Nam với nước ngoài.

+ Về thành phần tác giả: Bảo đảm thu hút các tác giả là người đang làm việc, nghiên cứu tại các tổ chức khoa học có uy tín trên thế giới thông qua nhiều biện pháp, trong đó có cả các biện pháp về chính sách⁷.

Về tiến độ triển khai: Đến hết giai đoạn I, các tạp chí trong *Danh sách* cần phải đạt được các kết quả cụ thể:

- Tuân thủ đầy đủ các *Tiêu chuẩn Việt Nam* đối với tạp chí khoa học xã hội.

- Có tên thường xuyên trong *Danh sách* tạp chí được tính điểm và được xếp ở mức tính điểm cao nhất (trong ít nhất một ngành/ khối ngành xác định) do Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước phê duyệt.

- Trong Hội đồng Biên tập có sự tham gia của các nhà khoa học đang làm việc tại các nước có trình độ khoa học tiên tiến.

- Đăng ký sử dụng dịch vụ xuất bản của một trong số các doanh nghiệp thông tin và xuất bản lớn, có uy tín trên thế giới.

- Được xuất bản bằng tiếng Anh.

Kết thúc giai đoạn II (3-5 năm), các tạp chí trong *Danh sách* nêu trên phải đạt được các yêu cầu sau:

- Duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng theo các kết quả đã đạt được trong giai đoạn I.

- Phối hợp với các tổ chức nghiên cứu, đào tạo để tổ chức *định kỳ hàng năm Hội thảo khoa học quốc tế* về ngành, khối ngành mà tạp chí phản ánh.

- Chú trọng gia tăng số lượng các thành viên Hội đồng Biên tập là các nhà khoa học có uy tín trên thế giới.

- Chú trọng thu hút các tác giả đang làm việc tại các tổ chức khoa học có uy tín của các nước có trình độ khoa học tiên tiến công bố kết quả nghiên cứu.

- Hoàn tất các thủ tục đăng ký với ISI để sau khoảng 2 năm, được xuất hiện trong *Danh sách Philadelphia*.

Tạp chí trọng điểm được lựa chọn cần đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Tạp chí phản ánh ngành, khối ngành khoa học xã hội mang tính chất vùng, khu vực; có phương diện nghiên cứu đang thu hút sự quan tâm của nhiều cá nhân, tổ chức khoa học trên thế giới. Tạp chí có chức năng *giải quyết* hoặc *tham gia giải quyết* các vấn đề mang tính quốc tế. Chú trọng lựa chọn các tạp chí mang tính đa ngành, liên ngành, đặc biệt là tạp chí phản ánh cả các ngành khoa học tự nhiên, các ngành kỹ thuật trong sự liên kết chặt chẽ với các khoa học xã hội.

+ Đội ngũ các nhà khoa học của nước ta trong các ngành, khối ngành khoa học là đủ lớn và có uy tín đối với các nhà khoa học trên thế giới.

+ Các ngành, khối ngành mà tạp chí phản ánh đã có truyền thống hợp tác với các tổ chức khoa học lớn, có uy tín trên thế

giới và các tổ chức này có truyền thống trong việc xuất bản tạp chí khoa học thuộc *Danh sách Philadelphia*.

Để giảm bớt các chi phí đầu tư, có thể tính đến việc lựa chọn vào *Danh sách* các tạp chí đang được xuất bản bằng tiếng Anh hiện nay. Tuy nhiên, đây chỉ xem là một *tham số phụ* và có thể tính tới phương án xây dựng một tạp chí mới.

Sau khi xác định được *Danh sách tạp chí trọng điểm*, cần nâng cấp các tạp chí khoa học xã hội theo tiêu chuẩn quốc tế.

5. Kết luận

Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam đang triển khai *Đề án nâng cao chất lượng tạp chí khoa học* của cơ quan mình theo các tiêu chuẩn quốc tế. Sự kiện đó là tiền đề để các tạp chí khoa học xã hội tham khảo và từng bước nâng cao chất lượng của tạp chí trong xu thế khoa học xã hội Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và hiệu quả.

Đổi mới và nâng cao chất lượng các tạp chí khoa học xã hội theo các tiêu chuẩn quốc tế là một công việc hoàn toàn mới, có nhiều khó khăn, song cũng đứng trước những cơ hội lớn.

Nâng cao chất lượng các tạp chí khoa học xã hội theo tiêu chuẩn quốc tế thực chất là từng bước góp phần nâng cao nền khoa học xã hội Việt Nam trước cộng đồng khoa học quốc tế, đồng nghĩa với việc nâng cao tầm vóc của đất nước và con người Việt Nam trước các quốc gia và các dân tộc trên thế giới. Đó cũng chính là quy luật phát triển của đất nước nói chung và nền khoa học xã hội Việt Nam nói riêng trong thời đại toàn cầu hóa.

Chú thích

1. Các nội dung chính của phần này được tổng hợp từ tài liệu tham khảo số [15].
2. Một số tổ chức có uy tín khác như Journal-Ranking.com, SCImago sử dụng một số tham số khác như PII, SJR để phân hạng tạp chí, và các tham số này cũng được xây dựng dựa trên chỉ số IF.
3. Năm 2011, SCImago xếp hạng Việt Nam ở vị trí 68 trên thế giới về công bố khoa học; đứng sau Malaysia, Singapore, Thailand, Indonesia (Nguồn <http://www.scimagojr.com>).
4. Bên cạnh các khía cạnh mang tính chất chuyên môn, nghiệp vụ, thì các tạp chí khoa học xã hội còn chịu sự chi phối về tư tưởng, phản ánh chủ trương, đường lối, chính sách của hệ thống chính trị hiện tại của nước ta. Đây là nội dung có tính đặc thù và có thể coi không hoàn toàn cản trở việc nâng cao chất lượng của các tạp chí khoa học xã hội theo tiêu chuẩn quốc tế, do vậy xin phép không phân tích tại đây.
5. Điều này lại càng trở nên đáng tiếc khi mà những bước đi đầu tiên trong quá trình hợp tác với INASP lại được khởi xướng từ Viện Thông tin Khoa học xã hội (4/2006) và sau đó là việc tại đây đã triển khai một đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ làm tiền đề cho việc xuất bản tạp chí khoa học trực tuyến tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam. Tháng 4/2006, Mạng Quốc tế truy cập các ấn phẩm khoa học (INASP, Anh) đã phối hợp với Viện Thông tin KHXH tổ chức workshop đầu tiên ở Việt Nam về xuất bản tạp chí khoa học trực tuyến và khởi xướng triển khai Dự án VJOL. Sau đó, các năm 2007, 2008 các workshop tiếp theo đều đã được tổ chức một cách rất thành công, mà tham gia là các tạp chí khoa học có uy tín của cả nước. Đến nay, Dự án này đang tiếp tục được duy trì mà cơ quan đầu mối quản lý là Cục Thông tin KH&CN Quốc gia. Sau đó, năm 2008, Viện Thông tin KHXH là cơ quan chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu cấp Bộ *Quy trình xuất bản trực tuyến theo tiêu chuẩn của mạng Quốc tế truy cập các ấn phẩm khoa học (INASP) và các vấn đề áp dụng tại*

Viện Khoa học xã hội Việt Nam (Chủ nhiệm ThS. Phùng Diệu Anh).

6. P. Sykes trong [6] rất quan tâm đến vấn đề trách nhiệm của nhà khoa học trong việc công bố, phổ biến các kết quả nghiên cứu của mình. Còn A. Lahiri trong [5], D. Nicolas trong [13] đã nêu 2 trở ngại chính của việc phát triển thị trường thông tin tại các nước đang/chậm phát triển là sự hạn chế trong ý thức về bản quyền của mọi người cũng như khả năng khó chi trả, chưa có thói quen chi trả cho việc khai thác, sử dụng thông tin.

7. Ví dụ, quy định những người sử dụng ngân sách Nhà nước đi nghiên cứu tại nước ngoài (Thạc sỹ, Tiến sỹ, Thực tập sinh cao cấp) phải công bố một số lượng nhất định các công trình nghiên cứu của mình trên các tạp chí trong nước được chỉ định cụ thể với từng ngành, khối ngành.

Tài liệu tham khảo

1. Danh mục tạp chí khoa học chuyên ngành được tính điểm công trình khoa học quy đổi khi xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS năm 2011 (Ban hành kèm theo Quyết định số 14/QĐ-HĐCDGSNN ngày 09/5/2011 của Thường trực HĐCDGSNN)
2. Jurnal of the *History of Ideas. Style Sheet: Guide for Authors* (Revised January 2011). p.1.
<<http://jhi.pennpress.org/PennPress/journals/jhi/authorGuide.pdf>>.
3. The Information Society./ N. Moore. In: *World Information Report 1997/1998* pp. 271-284.
<http://unesdoc.unesco.org/images/0010/001062/106215e.pdf>. pp
4. Khả năng và điều kiện ứng dụng trắc lượng thư mục./ Trần Mạnh Tuấn.// *Thông tin Khoa học xã hội*. 2012. Số 2.
5. Library and Information Services: Chapter 2: South Asia./ A. Lahiri. In: *World Information Report 1997/1998*. pp 33-46.
<<http://unesdoc.unesco.org/images/0010/001062/106215e.pdf>>
6. Legal Responsibilities in Information Supply./ P. Sykes.- In: *Handbook of Special Librarianship and*

Infomartion Work: 7th edi./ Edited by A.

Scammell.- London: ASLIB. 1998. pp. 265- 291.

7. International Guidelines on Information Literacy./ J. Lau (Chair, Information Literacy Section, IFLA). IFLA. 2004. 44p.

<<http://bivir.uacj.mx/dhi/DoctosNacioInter/Docs/Guidelines.pdf>>

8. Nâng cao năng lực quản lý để tăng cường chất lượng các tạp chí KHCN của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam: Đề án./ Chủ nhiệm GS.TSKH. Nguyễn Khoa Sơn. 18 tr.

9. Oxford Referencing System./ Người dịch: Trần Mạnh Tuấn.// *Thông tin & Tư liệu*. 2012. Số 2. tr.

10. The Peer Review Process: A Report to the JISC Scholarly./ Fytton Rowland F. Communications Group. 16

p<www.jisc.ac.uk/uploaded_documents/rowland.pdf>

11. Quy trình xuất bản trực tuyến theo tiêu chuẩn của mạng Quốc tế truy cập các ấn phẩm khoa học (INASP) và các vấn đề áp dụng tại Viện Khoa học xã hội Việt Nam: Đề tài nghiên cứu cấp Bộ./ Chủ nhiệm ThS. Phùng Diệu Anh. H.: Viện Khoa học xã hội Việt Nam. 2008.

12. References/Bibliography Vancouver Style.

<www.library.uq.edu.au/training/citation/vancouver.pdf> . p.5- 6.

13. Study of End User./ D. Nicolas. In *Handbook of Special Librarianship and Infomartion Work*: 7th edi./ Edited by A. Scammell.- London: ASLIB. 1998. pp. 146-189.

14. Tạp chí khoa học: Cách đánh giá của Thomson Reuters và vấn đề của quản lý Nhà nước./Trần Mạnh Tuấn. // *TC Hoạt động khoa học*. 2011. Số 9.

15.The Thomson Reuters Journal Selection Process./ Jim Testa

<thomsonreuters.com/products_services/science/free/essays/journal_selection_process/>(updated 5/2012)

16. Triển khai thực hiện các kỹ năng ứng dụng phần mềm xuất bản trực tuyến cho các tạp chí khoa học: Đề tài nghiên cứu cấp Bộ./ Chủ nhiệm ThS. Nguyễn Công Thắng.: H. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam. 2011.